

Chương V. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1. Giới thiệu chung về dự án:

a, Dự án:

- Tên dự án: Xây dựng nhà đa năng và bếp Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn (giai đoạn 1).

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Ngô Quyền.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư công.

- Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của Ủy ban nhân dân phường Ngô Quyền về việc phê duyệt Dự án Xây dựng nhà đa năng và bếp Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn (giai đoạn 1);

- Quyết định số 14/QĐ-BQLDA ngày 13/02/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Ngô Quyền về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Xây dựng nhà đa năng và bếp Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn (giai đoạn 1);

b, Địa điểm xây dựng: Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

c, Quy mô xây dựng:

+ Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

+ Quy mô:

Xây dựng nhà đa năng và bếp với móng 4 tầng, xây dựng 3 tầng với diện tích xây dựng sàn khoảng 1.200m² ; Xây dựng bể nước phòng cháy chữa cháy;

Lắp đặt thiết bị văn phòng và thiết bị phòng cháy chữa cháy; Thiết bị trường học.

* Phương án kiến trúc

Xây dựng nhà đa năng và bếp : diện tích xây dựng khoảng 400m² , diện tích sàn khoảng 1.200m² . Chân móng cao 0,6(m), chiều cao toàn công trình là 13,1m tính từ cos nền hoàn thiện tầng 1 đến đỉnh tum mái. Chân móng cao 0,6(m), chiều cao toàn công trình là 13,1m tính từ cos nền hoàn thiện tầng 1 đến đỉnh tum mái. Giao thông theo phương đứng bằng cầu thang bộ. Giao thông theo phương ngang bằng hành lang trước rộng 2,78m. *Công năng bố trí phòng tại các tầng: Tầng 1 chiều cao tầng h=3,9(m) gồm: 01 phòng bếp, 01 phòng thực phẩm, 01 phòng lương thực, 01 kho ga. Tầng 2 chiều cao tầng h=3,6(m) gồm: 01 phòng ăn, 01 phòng nhân viên. Tầng 3 chiều cao h=3,6(m) gồm: 01 phòng ăn, 01 phòng nhân viên.

Phương án kết cấu:

- Kết cấu móng: Công trình được thiết kế sử dụng móng cọc khoan nhồi với đường kính cọc D600 và D500 đều có chiều dài thiết kế là 45m. Bê tông đài móng, dầm móng sử dụng bê tông đá 1x2 mác 300 (B22.5). Lựa chọn tiết diện: Đài móng BTCT liên kết bởi hệ dầm móng. Kích thước đài móng 1100x1100mm,

1200x1200mm, 1100x2600mm. Kích thước dầm móng 330x800mm. Kết cấu bể tách mỡ gồm 2 ngăn: ngăn chứa, ngăn tách mỡ. Đáy bể và nắp tấm đan bê tông đá 1x2 M200, bể xây gạch đặc VXM M75. Bên trong bể lắp đặt hệ thống tấm lưới chắn mỡ inox, bố trí ống thu đường nước vào D90, ống thu đường nước ra D110.

- Kết cấu thân: Kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối mác 300 (B22.5) đá 1x2. Độ dày sàn H=120mm bố trí thép 2 lớp. Bố trí cột lần lượt với các tiết diện 220x300mm, 220x450mm, 250x450mm. Bố trí hệ dầm lần lượt với các tiết diện 220x400mm, 220x600mm, 220x300mm.

Phương án hoàn thiện:

- Trát bả và sơn hoàn thiện toàn bộ công trình.
- Tường bao quanh và tường ngăn phòng xây tường gạch không nung dày 220, VXM M75, trát VXM M75.
- Nền hành lang, nền trong phòng lát gạch 600x600mm; khu vực chế biến tại khu bếp tầng 1 lát gạch chống trơn 300x300mm.
- Tường trong phòng ốp gạch 300x600mm cao đến đáy trần.
- Trần trong phòng đóng trần thạch cao tấm thả 600x600mm; Trần hành lang trát bả, sơn hoàn thiện.
- Cầu thang, tam cấp: mặt bậc cô bậc, chiếu nghỉ lát đá granite; bậc xây gạch VXM M75.
- Lan can hành lang sử dụng tay vịn inox hộp 100x100x2; các song đứng inox hộp 30x30x1,4, hoàn thiện sơn tĩnh điện, chân lan can xây gạch VXM M75. Chiều cao lan can H=1,5m.
- Lan can cầu thang sử dụng trụ hộp inox 100x100x1,5; các song đứng inox hộp 20x20x1,2 kết hợp inox hộp 40x20x1, tay vịn sử dụng inox hộp 60x60x1,2.
- Hệ thống cửa đi và cửa sổ, vách kính dùng nhôm hệ phụ kiện đồng bộ (hít cửa, khoá, tay nắm...); cửa chống cháy sử dụng cửa thép chống cháy theo quy định; riêng cửa đi ở tầng 4, tại vị trí tum thang sử dụng cửa tôn thép.
- Hoa sắt cửa sổ sử dụng inox hộp 14x14x1,4.
- Chống thấm mái bằng dung dịch flinkote.
- Tại vị trí ô thang xây gạch bao che, gác xà gồ, lợp tôn mạ màu.

Giải pháp kỹ thuật khác

- Hệ thống điện, chiếu sáng: Nguồn cấp điện cho dãy nhà được lấy từ nguồn điện trong khu vực. Chiếu sáng trong các phòng sử dụng hệ thống đèn PANEL 600x600 50W. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn LED D300 24W. Bố trí một tủ điện tổng cho toàn nhà và ở các tầng và phòng đều có tủ điện riêng; bố trí hệ thống quạt trần, quạt treo tường, ổ cắm đồng bộ tại các phòng. Tại vị trí trong phòng bếp tầng 1, bố trí sẵn dây chờ cho quạt hút mùi. Tại vị trí trong phòng tầng 2,3 bố trí sẵn dây chờ cho điều hòa.

- Hệ thống dây dẫn được đi trong ống gen nhựa ngầm tường và các hộp nối dây để đảm bảo mỹ thuật và thuận tiện cho việc sửa chữa. Sử dụng vật tư, thiết bị điện trong nước sản xuất và liên doanh để tiết kiệm chi phí xây dựng như bóng đèn, công tắc, aptomat...

- Hệ thống chống sét: Hệ thống chống sét của công trình được thiết kế nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị, dẫn dòng sét nhanh chóng và an toàn xuống đất.

- Hệ cấp, thoát nước: Cấp nước cho dãy nhà từ nguồn nước khu vực bằng hệ thống HDPE D25 và PPR D25 cấp cho khu vực phòng bếp tầng 1. Thoát nước cho phòng bếp tầng 1 sử dụng hệ thống ống PVC D90 thoát từ khu vực chế biến ra bể tách mỡ ngoài nhà, sau đó nước thải sau khi được xử lý từ bể tách mỡ được dẫn nối ra hệ thống thoát nước khu vực bằng ống PVC D90.

- Chống mối: Chống mối bên ngoài công trình bằng phương pháp đào hào; Chống mối bên trong công trình bằng phương pháp đào hào; Xử lý phòng mối mặt nền công trình; Xử lý phòng mối mặt tường trong và ngoài công trình;

8.5. Xây dựng bể nước cứu hỏa:

Thể tích 60m³, kích thước 10x6(m), độ sâu H=2,4 tính từ mặt bể xuống đáy bể, cos mặt bể bằng cos sân hoàn thiện. Kết cấu toàn bể bằng bê tông cốt thép M300 đá 1x2, có phụ gia chống thấm. Đổ bê tông đáy bể, tường trong bể trát VXM M75 dày 2cm, quét nước xi măng chống thấm; tường ngoài bể trát VXM M75 dày 2cm. Dưới đáy bể có gia cố cọc tre độ dài L=3m mật độ 30 cọc/m². Tấm nắp bể đổ BTCT đá 1x2 M200.

8.6. Xây dựng nhà đặt bơm:

Nhà đặt bơm kích thước 3,22x3,22m được xây trên bể nước cứu hỏa; cao 3,5m đến cos sàn mái. Tường bao che xây gạch VXM M75. Kết cấu tường xây chịu lực, dầm mái + sàn mái BTCT, xử lý chống thấm mái bằng filinkote. Sử dụng bê tông M200 đá 1x2 cho kết cấu BTCT. Hệ thống cửa đi sử dụng cửa nhôm hệ.

8.7. Giải pháp cung cấp thiết bị:

- Lắp đặt thang tời thức ăn; Thiết bị bếp tầng 1; Thiết bị phòng ăn tầng 2 + 3: Bộ bàn ghế ăn bằng inox mỗi bộ tương ứng với 1 bàn và 6 ghế, kích thước bàn 1200x600x620mm, kích thước ghế 270x340mm.

- Thiết bị PCCC: Bình khí CO₂ (MT3), Bình bột chữa cháy ABC MFZ4.

2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư công.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Địa điểm xây dựng: Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Thời gian hoàn thành: 300 ngày.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện: 300 ngày.

- Tiến độ thi công gói thầu Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị và lắp đặt thiết bị công trình là một phần của Hồ sơ thiết kế tổ chức thi công mà nhà thầu phải nộp và là yếu tố cạnh tranh của các nhà thầu. Nhà thầu căn cứ vào tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư, căn cứ vào năng lực của mình và các yếu tố cạnh tranh để quyết định tiến độ tối ưu trên cơ sở đảm bảo thời gian theo yêu cầu kỹ thuật đưa vào Hồ sơ dự thầu của mình. Tổng thời gian thực hiện hợp đồng không được vượt quá thời gian dự kiến nêu trên.

- Nhà thầu phải nộp theo Hồ sơ dự thầu bảng tiến độ thi công bao gồm cả Biểu đồ nhân lực để hoàn tất công trình theo tiến độ thi công mà Chủ đầu tư dự kiến cho gói thầu.

- Biểu đồ tiến độ thi công sẽ được Chủ đầu tư sử dụng để đánh giá Hồ sơ dự thầu.

- Trong tiến độ cần nêu rõ và cụ thể cho từng hạng mục, đơn vị của tiến độ là ngày. Có thể đề xuất những tiến độ thi công cụ thể giúp cho gói thầu hoàn thành ngắn hơn thời gian dự kiến.

Cùng với tiến độ thi công nhà thầu phải lập tiến độ điều động nhân lực, máy thi công, vật tư vật liệu chính dự kiến theo khả năng thi công và mặt bằng thi công của gói thầu.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;
- Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;
- Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);
- Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;
- Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);
- Yêu cầu về vệ sinh môi trường;
- Yêu cầu về an toàn lao động;
- Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;
- Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;
- Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;
- Yêu cầu khác căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu.

1. Các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình

Nhà thầu phải tổ chức thi công Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình theo đúng thiết kế được phê duyệt do Chủ đầu tư cấp. Kiểm tra cốt cao độ

thiết kế và kiểm tra độ sai lệch về vị trí, tim trục của các cấu kiện, các chi tiết của công trình trước khi thi công và tiến hành các công tác đo đạc kiểm tra thường xuyên trong quá trình thi công. Đảm bảo theo các quy định:

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị và bảo trì công trình xây dựng.

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

Các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

- Áp dụng toàn bộ Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn Việt Nam còn hiệu lực và tiêu chuẩn nước ngoài được phép áp dụng cho Dự án (Trường hợp nhà thầu đề xuất áp dụng các tiêu chuẩn đã hết hiệu lực thì không được xem xét).

- Đối với các công tác không có quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam sẽ theo yêu cầu hoặc chỉ dẫn cụ thể trong bản vẽ thiết kế (kể cả theo các tiêu chuẩn nước ngoài). Những mục không ghi rõ trong hồ sơ bản vẽ thiết kế thì Nhà thầu có ý kiến bằng văn bản đề cơ quan thiết kế trả lời cụ thể.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát

Căn cứ vào thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt và các chỉ dẫn khác, nhà thầu nêu giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công từng hạng mục công việc của gói thầu phù hợp với hồ sơ mời thầu, tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý và đầu tư xây dựng; các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Lập bản vẽ, thuyết minh chi tiết biện pháp thi công cho các công việc quan trọng. Nhà thầu phải tuân thủ sự quản lý giám sát chất lượng, giám sát thi công của Chủ đầu tư (Hoặc người được ủy quyền) theo quy chế hiện hành của Nhà nước.

Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật đã đề cập trong hồ sơ dự thầu và thi công đúng theo thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt.

Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô của công trình.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị:

3.1. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, vật liệu xây dựng:

- Toàn bộ vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình phải tuân thủ tuyệt đối các chỉ dẫn của hồ sơ thiết kế, hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ mời thầu và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

- Nhà thầu phải lập bảng danh mục vật tư, vật liệu chính phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Tất cả các vật tư, thiết bị mua sắm, lắp đặt, sử dụng cho công trình đều phải được nhà thầu nêu rõ ràng, cụ thể về quy cách, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng, nguồn gốc, xuất xứ, không trình bày chung chung.

- Nguồn gốc xuất xứ là nước, vùng lãnh thổ, địa phương, doanh nghiệp sản xuất ra sản phẩm, vật tư, thiết bị. Nhà thầu phải liệt kê chính xác nguồn gốc hàng hóa, vật liệu sử dụng cho công trình tương ứng với đề xuất tài chính của nhà thầu.

- Việc lấy mẫu thí nghiệm, kiểm tra chất lượng vật tư thiết bị sử dụng cho công trình tuân thủ các yêu cầu trong các quy phạm, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, gói thầu và hợp đồng xây dựng.

- Việc kiểm tra chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, gói thầu và hợp đồng xây dựng.

- Nhà thầu phải xây dựng biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình để đảm bảo chất lượng trước khi đề nghị giám sát, chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

- Tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị không đúng chủng loại, quy cách theo hồ sơ thiết bị (hoặc chủ đầu tư chưa chấp thuận), không đúng nguồn gốc, xuất xứ mà nhà thầu đề xuất sử dụng theo hồ sơ dự thầu, không đảm bảo chất lượng theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho gói thầu và các yêu cầu của hợp đồng sẽ không được nghiệm thu, sử dụng cho công trình. Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm đưa vật tư, thiết bị không đạt yêu cầu ra khỏi mặt bằng, phạm vi công trình.

- Đối với một số loại Vật tư, vật liệu, thiết bị/cụm thiết bị ghi trong bảng tiên lượng mời thầu hoặc trong bản vẽ ghi rõ tên, chủng loại model, hãng, nước sản xuất thì được hiểu như sau: Vật tư, vật liệu, thiết bị/cụm thiết bị chào thầu có thể là loại đã được ghi trong tiên lượng, bản vẽ hoặc là một loại khác có tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng kỹ thuật, mỹ thuật, kích thước tương đương với loại đó (không được sử dụng cụm từ “tương đương” khi dự thầu).

- Trường hợp Chủ đầu tư đề xuất thay đổi thiết kế dẫn tới thay đổi chủng loại vật tư, thiết bị hoặc Nhà thầu đề xuất thay đổi chủng loại vật tư dẫn đến thay đổi giá trị hợp đồng, giá trị công việc thì hai bên phải tiến hành thống nhất, thương thảo điều chỉnh, bổ sung phụ lục hợp đồng trên cơ sở vật tư, thiết bị thay thế. Đồng thời có những biện pháp cụ thể, chi tiết nhằm quản lý chất lượng sản phẩm, vật tư, thiết bị thay thế đó.

- Đối với các loại máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình hoặc sử dụng phục vụ quá trình thi công công trình, trường hợp thuộc các loại máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật chuyên

ngành thì thực hiện theo các yêu cầu, quy định của pháp luật chuyên ngành về máy móc, thiết bị đó.

- Việc kiểm tra chất lượng vật tư phải thực hiện bởi phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD) có đủ điều kiện, giấy phép và phương tiện thí nghiệm các chỉ tiêu có liên quan tới công trình. Hồ sơ năng lực phòng thí nghiệm phải được xuất trình trước khi khởi công. Việc kiểm tra thực tế phòng thí nghiệm được thực hiện nếu Nhà thầu trúng thầu, được trao hợp đồng.

3.2. Yêu cầu về thiết bị chính

a. Phạm vi công việc

- Phạm vi công việc bao gồm (nhưng không hạn chế) các nội dung sau:
 - + Cung cấp, vận chuyển thiết bị và vật liệu tới địa điểm cung cấp;
 - + Bảo quản, lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao thiết bị;
 - + Lắp đặt các thiết bị theo đúng vị trí và yêu cầu của Chủ đầu tư;
 - + Thử nghiệm vật liệu, thiết bị riêng. Chịu mọi chi phí nghiệm thu, thử nghiệm (nếu có);
 - + Theo dõi vận hành, bảo trì, bảo hành thiết bị luật định;
 - + Đào tạo và hướng dẫn sử dụng

b. Các yêu cầu chung về thiết bị cung cấp

- Có catalog hoặc hình ảnh kèm thông số kỹ thuật của các loại hàng hóa cung cấp cho gói thầu.

- Tất cả thiết bị phải nêu rõ tên hàng hoá, xuất xứ; hãng sản xuất; mã hiệu hàng hóa (nếu có); thông số kỹ thuật; tiêu chuẩn sản xuất (nếu có).

- Văn bản cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của hàng hóa nhập khẩu.

- Văn bản cam kết bàn giao đầy đủ các Biên bản nghiệm thu, chứng chỉ chất lượng, Phiếu xuất xưởng, bảo hành, hướng dẫn sử dụng... cho Chủ đầu tư khi nghiệm thu bàn giao hàng hóa tại công trình.

- Văn bản cam kết tất cả hàng hoá, thiết bị phải bảo đảm mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây, đảm bảo đầy đủ số lượng, chủng loại và các yêu cầu kỹ thuật như trong hồ sơ mời thầu.

- Văn bản cam kết tuân thủ một cách đầy đủ các quy định hiện hành về bản quyền phần mềm, cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về bản quyền trong suốt quá trình khai thác và sử dụng hàng hóa, thiết bị đối với các hàng hóa, thiết bị được cung cấp đối với các hàng hóa, thiết bị có liên quan đến bản quyền.

- Có cam kết sản phẩm phải được đóng gói theo tiêu chuẩn và theo quy định của nhà sản xuất, còn nguyên đai, nguyên kiện, nguyên tem nhãn, mác sản phẩm.

- Thời gian bảo hành: Nhà thầu phải ghi rõ thời gian bảo hành hàng hoá

trong E-HSMT. Thời gian yêu cầu tối thiểu 12 tháng (hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất) kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hoá.

- Văn bản cam kết việc thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót (của nhà thầu hoặc của đơn vị mà nhà thầu đã ký hợp đồng nguyên tắc) trong thời gian ≤ 48 giờ, kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng.

- Yêu cầu về vận chuyển, lắp đặt: Nhà thầu phải vận chuyển, lắp đặt, bàn giao hàng hoá đến các địa điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Việc cung ứng, lắp đặt hàng hoá phải đảm bảo đúng kỹ thuật, mỹ thuật và an toàn. Nhà thầu tự chịu toàn bộ chi phí và rủi ro có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển hàng hoá, bao gồm cả dỡ xuống, lắp đặt vận hành, chạy thử hàng hoá tại các địa điểm cung cấp và lắp đặt hàng hoá.

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, công nghệ độc quyền của nhà sản xuất nào đó (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu, thông số kỹ thuật phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

*** Yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị**

Các thiết bị, hàng hóa phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu theo quy định của bảng dưới đây:

TT	TÊN THIẾT BỊ VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT Nhà thầu có thể chào Thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn <i>(Thông số kỹ thuật tham chiếu một số thiết bị cơ bản trên thị trường để nhà thầu làm cơ sở chào thầu)</i>	ĐVT	SL
I	THIẾT BỊ NHÀ BẾP		
1	Tủ lạnh 230 lít Kích thước (R x S x C) 91.2 * 71.6 * 178.0 cm Khối lượng 104 kg Điện năng tiêu thụ ~ 1.71 kW/ngày Tổng dung tích 647 lít Công nghệ làm lạnh ,Công nghệ làm lạnh vòm,Kháng Khuẩn, Khử mùi Bộ lọc khử mùi than hoạt tính,Chất liệu khay ngăn ,Kính chịu lực Máy nén Inverter Chất liệu vỏ tủ lạnh Kim loại phủ sơn tĩnh điện	Chiếc	1
2	Bếp á ba KT: 2000x750x800/1150 mm Vật liệu: SUS 201 Hạng bếp công nghiệp 5A1, đánh lửa tự động. Kiềng đúc gang liền đi kèm bếp. Công suất: 3x40,000 Btu/hr 01 vòi cấp nước, hệ thống nước làm mát mặt. Bảo hành: 12 tháng	Cái	1
	Bếp hầm ba: KT: 1800x750x450/1150mm, Vật liệu: SUS 304, Hạng bếp công nghiệp 5A1, đánh lửa tự động. Kiềng đúc gang.Bình Gas loại 45Kg (bao gồm cả dây và van), Công suất: 3x40,000 Btu/hr,02 vòi cấp nước.	Cái	1

3	Tủ nấu cơm công nghiệp (Tủ cơm gia công inox 70kg) KT: D970xR790xC1360mm. 14 khay hàn hoặc 18 khay dập KT 600x400x..Bộ đốt 7B (có đánh lửa điện) .Hoặc may so nhiệt.	Chiếc	1
	Nồi hầm cháo 80 lít : Quy cách : ruật inox 304 vỏ inox 201,KT 540x540x800mm, Nồi Có 3 lớp inox 1 lớp xốp cách nhiệt, Có van xả đáy , Thanh thăm dầu, Có cảm biến nhiệt điều chỉnh nhiệt độ, Tủ điều khiển rời. Công suất 8,5kW/380V/50Hz. Hoặc 7,5Kw/220V	Chiếc	1
4	Máy xay thịt Điện áp: 220v/50 Hz. Công suất: ¾ Hp = 550w. Năng suất: 50kg/h. Kích cỡ đầu đùn: 6mm, 8mm, 10mm Kích thước: 480x200x300 cm Trọng lượng: 30kg	Chiếc	1
5	Máy cắt củ quả Điện áp : 220 V/50Hz Công suất : 550 W ~ 3/4 HP Số bộ dao :bộ dao thái lát, hạt lựu, sợi tròn, sợi vuông Kích thước máy : 500x 250x 460 mm Trọng lượng : 24.5 Kg Vật liệu : Hợp kim nhôm + Inox Phù hợp: Cắt rau, củ, quả các loại,..	Chiếc	1
6	Bàn chế biến thức ăn KT: D15000*R800*C750mm Vật liệu: SUS 201, dày 0.8mm Mặt bàn lót gỗ MDF, Chân hộp 40x40 mm, tăng chỉnh độ cao.Thanh nan: Hộp 13x26 mm Bảo hành: 12 tháng	Cái	2

7	Bàn chia thức ăn KT: D15000*R800*C750mm Vật liệu: SUS 201, dày 0.8mm Mặt bàn lót gỗ MDF, Chân hộp 40x40 mm, tăng chỉnh độ cao. Thanh nan: Hộp 13x26 mm Bảo hành: 12 tháng	Chiếc	1
8	Chậu rửa đơn hố lớn KT: 1100x750x800/900 mm. KT hố chậu: 900x500x300 mm. Vật liệu: SUS201, No4, dày 1mm. Chân: Hộp 40x40 mm, tăng chỉnh độ cao ±20 mm. Kèm theo 02 vòi. Xi phong thoát D48. Sản phẩm được cắt gập bằng máy thủy lực, hàn bằng khí Argon tránh hiện tượng oxy hóa.	Chiếc	1
9	Chậu rửa đôi KT: 1200x750x800/900mm. KT hố chậu: 500x500x300mm. Vật liệu: SUS201, No4, dày 1mm. Chân: Hộp 40x40 mm, tăng chỉnh độ cao ±20 mm. Kèm theo 02 vòi. Xi phong thoát D48. Sản phẩm được cắt gập bằng máy thủy lực, hàn bằng khí Argon tránh hiện tượng oxy hóa.	Chiếc	1
10	Tủ sấy bát 2 lớp hai cánh 5 Tầng(750 bát) KT: D1400xR520x C1650cm. Khung hộp inox 30x30. Bọc xung quanh inox 0.6mm Nan ống D9.5mm Khe hở úp bát 30mm Cánh boc kính Dùng ba bóng nhiệt công suất 2KW. Quạt hút đối lưu không khí	Chiếc	1
11	Tủ giá để dụng cụ nhà bếp KT:D1000*R400*C1400 - 4 ngăn riêng biệt nhau cánh bằng kính,có tay cầm và khóa từng ngăn - các ngăn được chia làm 2 tầng - Chất liệu SUS 201,đảm bảo an toàn khi sử dụng	Chiếc	2

12	Dụng cụ chế biến, bảo quản thực phẩm sống, chín Thớt phi 40 cao 5cm Dao chặt inox Dao thái inox Rõ inox phi 48 Giá inox phi 58 Chậu inox phi 60	Bộ	2
13	Hệ thống quạt thông gió, hút mùi Trong đó: - Tủ hút mùi: KT: 4800x1000x500 mm. Vật liệu: SUS 201, dày 0.8mm. Hệ thống phin lọc mỡ, gom mỡ. - Ống gió (tính thực tế theo mét dài): KT: 1000x300x300 mm. Vật liệu: Tôn mạ kẽm dày 0.6. Tính thực tế theo mét dài. Mỗi cút góc tính bằng 1md, chữ T, Z nối tính bằng 1.5md, mỗi côn thu tính bằng 0.5m - Quạt hút ly tâm, kèm congxon gá quạt: Công suất: 3Kw. Điện áp: 380V/3P. Kèm cao su giảm chấn để quạt và phụ kiện Kèm theo - Tủ điều khiển quạt hút: Khởi động từ. Role nhiệt. Role chống đảo pha, mất pha. Hệ thống đèn báo, nút ấn điều khiển	Hệ thống	1
14	Hệ thống lọc nước tổng đầu nguồn (Máy lọc nước uống tinh khiết 100 l/h)	Bộ	1
15	Giá nan 4 tầng: KT: 1500x500x1800 mm, Vật liệu: SUS 201, dày 0.8-1mm, Chân: Hộp 40x40 mm, tăng chỉnh độ cao. Thanh giằng: Hộp 20x40 mm, Thanh nan: Hộp 13x26 mm, Bảo hành: 12 tháng	Chiếc	1
II	THIẾT BỊ PHÒNG ĂN		
16	Bàn ăn inox kích thước 1200x600x620mm. Chân bàn gập đứng ống 25x0,8mm giằng chân ống 16x0,7mm. Mặt bàn hình chữ nhật	Bàn	54
17	Ghế ăn inox kích thước 275x340mm. Ghế đôn không tựa mặt inox chân ống phi 22 dày 0,6mm. Có núm cao su chống trượt. Mặt ghế tròn đường kính 275mm	Ghế	324
III	THANG MÁY TẢI TRỌNG 200KG VẬN CHUYỂN THỨC ĂN VÀ VÁCH THANG MÁY		
18	Thang máy tải trọng 200kg vận chuyển thức ăn và vách thang máy	bộ	1

19	Lắp đặt thang máy	bộ	1
20	Xe đẩy thức ăn (kích thước: Dài x rộng x cao = 0,6 x0,6 x0,9m)	cái	2
IV	THIẾT BỊ PCCC		
21	<p>Tủ trung tâm báo cháy 20 kênh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Thép dày không gỉ - Điện áp ngõ vào: 220V AC - 50HZ - Điện áp ngõ ra 24VDC – 100 ~ 400mA. - Nguồn dự phòng: 24VDC – 1.2Ah - Số đầu báo nhiệt kết nối: không giới hạn. - Số đầu báo khói kết nối: 30 đầu/zone. - Độ tin cậy tối thiểu: 500.000 vòng. - Điện trở cuối tuyến: 10KΩ mỗi zone. 	tủ	1,
22	<p>Cuộn vòi chữa cháy D50 dài 20m/cuộn + Khớp nối nhanh đầu vòi D50 bằng nhôm và nhân công, vật liệu buộc khớp nối vào vòi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp suất làm việc (Mpa): 1.6 - Áp suất phá hủy (Mpa): ≥ 2.0 - Vật liệu lớp trắng: Tráng PVC - Vật liệu lớp vải: 40% sợi chỉ ngang Filament, 60% sợi Polyester - Tiêu chuẩn đầu nối: TCVN 5739:2023 	cái	3,
23	<p>Lăng phun chuyên dụng PCCC D50 bằng nhôm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp suất làm việc: 1.6Mpa - Lưu lượng phun tại áp 0.7 Mpa: 2.5l/s - Chiều dài lăng: 234 mm - Khối lượng: $0.24 \pm 10\%$ - Đường kính đầu vào: 43 - Đường kính lỗ phun: 13 - Tiêu chuẩn sản xuất: TCVN 13261:2021 	cái	3,
24	<p>Tủ đựng thiết bị chữa cháy bằng sắt sơn đỏ mặt kính có khóa (1250x500x180)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao: 1250mm 	tủ	3,

	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều rộng: 500mm - Chiều sâu: 180mm - Độ dày: 0.8mm - Sơn tĩnh điện chống gỉ màu đỏ 		
25	<p>Bình khí CO2 (MT3)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần chữa cháy: CO2 - Khối lượng khí: 3.000g - Phạm vi nhiệt độ: +5° C ~ +60° C - Công suất làm việc: 34B-C - Áp suất kiểm tra: 25 Mpa - Áp suất làm việc: 4.5 Mpa 	bình	9,
26	<p>Bình bột chữa cháy ABC MFZ4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần bột chữa cháy: NH4H2PO4, (NH4)2SO4, ... - Khối lượng khí: 4.000g - Phạm vi nhiệt độ: +5° C ~ +60° C - Công suất làm việc: 2A-55B - Áp suất kiểm tra: 2.3Mpa - Áp suất làm việc: 1.2Mpa - 1.5Mpa 	bình	18,
27	<p>Giá để bình (loại 3 bình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao: 25cm - Kích thước ngang: 60cm - Kích thước rộng: 25cm - Kích thước chân đế: 5cm - Chất liệu: Sắt tráng kẽm chống gỉ - Lớp phủ: Sơn đỏ tĩnh điện - Khả năng chịu lực: 80kg 	cái	9,
28	<p>Nội quy tiêu lệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Tôn sắt chống gỉ 	bộ	9,

4. Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt:

Nhà thầu phải tuân thủ các trình tự thi công theo thiết kế, và các yêu cầu trình tự thi công của Chủ đầu tư. Tất cả các hạng mục của gói thầu Thi công xây dựng công trình phải được thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và theo quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành của Nhà nước. Trước khi khởi công công trình nhà thầu phải lập biện pháp thi công, phê duyệt và gửi Chủ đầu tư để theo dõi và giám sát.

- Đối với từng hạng mục công việc chính nhà thầu phải:

+ Trích dẫn tiêu chuẩn qui phạm thi công.

+ Mô tả phương án thi công chính.

+ Qui trình và thủ tục nghiệm thu.

+ Biện pháp đảm bảo chất lượng thi công.

5. Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ :

Ngay sau khi nhận bàn giao mặt bằng nhà thầu phải:

5.1 Có nội qui qui định về việc phòng cháy, chữa cháy đặt tại công trình.

5.2 Bố trí đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phải thường xuyên kiểm tra, bổ sung kịp thời.

5.3 Có bố trí lực lượng phòng cháy chữa cháy đã qua tập huấn, đảm bảo luôn luôn có mặt kịp thời khi xảy ra sự cố.

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý nhằm tránh những tác hại đến môi trường sống và môi trường làm việc, gồm:

6.1 Chuẩn bị các phương tiện vệ sinh công cộng nhằm ngăn ngừa sự ô nhiễm về sinh thái hoặc ô nhiễm về công nghiệp tại hiện trường.

6.2 Phế thải xây dựng phải được dọn và vận chuyển kịp thời trong thời gian ngắn nhất chống ách tắc cản trở giao thông và môi trường cảnh quan khu vực. Nhà thầu phải tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường, vận chuyển vật liệu và phế thải theo đúng quy định của Thành phố.

6.3 Có giải pháp để giảm tiếng ồn khi thi công, tuân thủ qui định về mức ồn tối đa cho phép trong công trình xây dựng theo tiêu chuẩn hiện hành.

6.4. Các phương án thi công chi tiết của nhà thầu cần có các biện pháp bảo vệ an toàn cho lực lượng thi công, cho nhân dân địa phương và các công trình đã có ở gần nơi xây dựng.

6.5. Lái xe, lái máy và người lao động được huấn luyện nhắc nhở về nội dung công tác an toàn trước khi thi công, đặc biệt trong điều kiện thi công hỗn hợp giữa xe máy và nhân lực. Mọi cán bộ công nhân viên làm việc trên công trường có nghĩa vụ tuân thủ quy tắc an toàn lao động.

6.6. Nếu dùng các phương tiện vận tải lớn cần có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ nhà cửa của dân cư (có thể chọn đường tránh xa khu dân cư).

6.7. Ô tô vận chuyển đất phải có bạt che, qua khu dân cư phải tưới nước thường xuyên tránh bụi.

6.8. Để đảm bảo an toàn cho các phương tiện đi trên đường, đường vận chuyển nhất thiết phải được duy tu sửa chữa kịp thời. Thời gian vận chuyển nên bố trí tránh giờ cao điểm ở những khu vực có mật độ giao thông cao.

6.9. Khi thi công có khối lượng đất đất Loại ra, khi thiết kế tổ chức thi công cần chọn những nơi đổ phù hợp, tránh làm hại đến cây cối, đất đai, nguồn nước sinh hoạt hoặc canh tác của dân quanh vùng.

7. Yêu cầu về an toàn lao động:

Nhà thầu phải đưa ra trong Hồ sơ dự thầu của mình các biện pháp an toàn lao động trong suốt quá trình thi công và biện pháp khắc phục khi có sự cố xảy ra. Trong đó cần nêu rõ biện pháp an toàn lao động trong từng loại công việc, biện pháp an toàn cho các khu vực có mạng điện nước và các xe, máy của Nhà thầu đi qua.

Nhà thầu phải có các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông cho xe lưu thông qua công trường; các xe ra vào, thi công trên công trường...

Trong quá trình thi công, các đơn vị tham gia thi công phải tuân theo chặt chẽ các quy định sau để đảm bảo an toàn lao động:

+ Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài báo, qua hệ thống thông tin thôn xã sở tại về nội dung công việc, tiến độ công trình cũng như những mức độ ảnh hưởng của việc thi công công trình đến sự sinh hoạt bình thường của nhân dân.

+ Vật liệu thi công được tập kết gọn gàng, thi công tới đâu bố trí vật liệu tới đó, không đổ vật liệu bừa bãi gây ảnh hưởng giao thông, mất an toàn lao động.

+ Các Loại phương tiện, máy móc thi công, công nhân được di chuyển trong phạm vi thi công theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật và tổ chuyên trách an toàn giao thông. Máy móc hết giờ làm việc phải tập kết gọn gàng.

+ Bố trí lắp đặt hệ thống biển báo hiệu, chỉ dẫn trên công trường cũng như các thiết bị kiểm soát giao thông khác khi cần thiết, phù hợp với luật lệ hiện hành. Đặc biệt chú trọng tới việc bố trí đủ tầm nhìn và các đèn thấp sáng cho khu vực và vào ban đêm, tại các vị trí giao cắt giữa đường công vụ và đoạn tuyến thi công Nhà thầu đều bố trí biển báo hiệu nhằm hạn chế tới mức thấp nhất các tai nạn có thể xảy ra.

+ Tổ chức lực lượng hướng dẫn giao thông, lực lượng này được trang bị đủ dụng cụ như: băng đeo tay, cờ chỉ huy... và được tập huấn về chức năng, nhiệm vụ, xử lý các tình huống có thể xảy ra.

+ Tại các vị trí công trình cắt ngang đường nhánh, đường rẽ phải tổ chức tập trung thi công dứt điểm với thời gian ngắn nhất, vào thời điểm thích hợp kể cả thời gian thi công ban đêm.

8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

Nhà thầu phải có giải pháp huy động nhân lực, máy móc thiết bị thi công để thực hiện gói thầu theo đúng các yêu cầu đề ra trong hồ sơ mời thầu

9. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể các hạng mục:

Nhà thầu phải có giải pháp thi công tổng thể, bố trí chung mặt bằng thi công trên công trường, giải pháp thi công chi tiết cho các hạng mục công trình.

10. Công tác bảo hành, bảo trì

10.1. Yêu cầu về công tác bảo hành

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bảo hành công trình, bảo hành thiết bị lắp đặt cho công trình theo quy định. Thời hạn bảo hành công trình tối thiểu 12 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư, nhà thầu và các bên liên quan ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình/ hạng mục công trình vào sử dụng và bảo hành thiết bị công trình/thiết bị công nghệ không ngắn hơn thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất và được tính kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công tác lắp đặt, vận hành thiết bị;

Trong thời hạn bảo hành công trình, đối với phần xây dựng trong thời hạn tối đa là 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư (bằng văn bản) nhà thầu bằng chi phí của mình sửa chữa ngay các sai sót. Nếu nhà thầu không tiến hành bảo hành theo cam kết (hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu, được Chủ đầu tư chấp thuận) thì Chủ đầu tư có quyền thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện, mọi kinh phí được trừ vào kinh phí của nhà thầu mà không cần ý kiến chấp nhận của nhà thầu.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải lập kế hoạch, biện pháp bảo hành công trình trình Chủ đầu tư để được chấp thuận và phối hợp thực hiện.

Nhà thầu có quyền từ chối bảo hành trong các trường hợp hư hỏng phát sinh không phải do lỗi của nhà thầu gây ra hoặc do nguyên nhân bất khả kháng.

10.2. Yêu cầu về công tác bảo trì

- Nhà thầu phải lập và bàn giao cho Chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình.

11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của Nhà thầu:

Quản lý chất lượng gói thầu được thực hiện theo Luật Xây dựng; Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Nhà thầu bằng kinh phí và năng lực của mình phải tổ chức tại hiện trường một bộ phận thí nghiệm để kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện, đánh giá chất lượng thi công của mình,... Các kết quả thí nghiệm trên phải bằng các văn bản do tổ chức có đầy đủ tư cách pháp nhân thực hiện.

Khi một trong các yêu cầu thí nghiệm trên, nhà thầu không bảo đảm được, thì Chủ đầu tư có quyền thuê một đơn vị tư vấn hoặc một trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng có tư cách pháp nhân thực hiện. Chi phí trả cho các thí nghiệm này do nhà thầu chịu trách nhiệm.

12. Yêu cầu các thông số bảo hành

Các thông số/yêu cầu tối thiểu về bảo hành mà nhà thầu phải kê khai và đáp ứng được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

TT	Các thông số/yêu cầu	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất của nhà thầu
I	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI VỚI PHẦN XÂY LẮP (C)	12 tháng	
II	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI HANG HÓA (P)	12 tháng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	

E-HSDT có đề xuất về thông số bảo hành không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên sẽ bị loại và không được đánh giá các bước tiếp theo. Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong từng E-HSDT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III của E-HSMT.

IV . Các bản vẽ

Đính kèm theo hồ sơ mời thầu gồm 01 bản scan hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt.